

Lấy 2 ml dung dịch A, thêm 1 giọt thuốc thử gelatin - natri clorid (TT) sẽ có tủa màu trắng.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4)

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat - acid formic (6 : 4 : 1).

Dung dịch thử: 3 g bột dược liệu (loại bỏ hạt) thêm 10 ml ethanol 96 % (TT), siêu âm trong 20 min, lọc lấy dịch chiết làm dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan acid galic chuẩn trong ethanol (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Hoặc nếu không có acid galic thì dùng 3 g bột Kha tử (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 3 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun dung dịch sắt (III) clorid 2 % trong ethanol (TT). Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết acid galic trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu, hoặc có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.7).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 30,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Quả kha tử: Quả đã khô rửa sạch, loại bỏ tạp chất, phơi khô hoặc sao qua, lúc dùng giã giập.

Quả kha tử bỏ hạt: Lấy quả kha tử sạch, ngâm qua nước, ủ mềm, bỏ hạch lấy thịt quả phơi khô. Thường dùng cho dạng thuốc hoàn, thuốc bột hoặc ngâm chữa đau đầu hẩu hống.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, tránh mốc.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, để nơi khô ráo, tránh mốc, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, chua, chát, tính bình. Vào các kinh phế, đại trường.

Công năng, chủ trị

Liễm phế, chỉ ho, sáp trường, chỉ tả, giáng hỏa, lợi hẩu hống. Chủ trị: Ho hen cấp tính, ho không có đờm, khản tiếng, đau đầu hống, ỉa chảy kiết lỵ lâu ngày, sa trực tràng (thoát giang), đại tiện tiểu tiện ra máu.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn tùy theo yêu cầu của bài thuốc. Ngâm điều trị ho khan đau đầu hống, ngày 3 lần, mỗi lần ngâm 0,5 g đến 1 g, buổi tối ngâm 1 lần trước khi đi ngủ.

Kinh nghiệm dân gian: Tán bột mịn của thịt quả Kha tử với cùi của quả ô mai đã làm nhuyễn với tỷ lệ 50/50, quện với mật ong để ngâm, giúp thanh giọng, tránh khản tiếng.

Kiểm kỵ

Cảm mạo có thực tà không được dùng, người táo bón không dùng.

KHIẾM THỰC (Hạt)

Euryales Semen

Hạt của quả chín được làm khô của cây Khiếm thực (*Euryale ferox* Salisb.), họ Súng (Nymphaeaceae). Thu hoạch vào cuối mùa thu đầu mùa đông. Thu hái quả chín, loại bỏ vỏ quả, lấy hạch cứng, rửa sạch, loại bỏ vỏ cứng, lấy nhân hạt, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Hạt hình cầu, thường bị vỡ; hạt nguyên có đường kính 5 mm đến 10 mm, mặt ngoài có vỏ lụa, một đầu màu nâu đỏ hoặc đỏ nâu, đầu còn lại màu trắng vàng chiếm khoảng 1/3 hạt và có vết lõm là rốn hạt dạng điểm. Khi bỏ vỏ lụa hạt sẽ có màu trắng. Chất tương đối cứng. Mặt gãy màu trắng, chất bột. Không mùi, vị nhạt.

Bột

Màu trắng ngà, vị nhạt. Soi dưới kính hiển vi thấy: Nhiều hạt tinh bột hình cầu, đường kính 1 µm đến 3 µm, rốn hạt không rõ, bề mặt hạt không nhẵn. Nhiều hạt tinh bột tập trung thành khối lớn. Các mảnh vỏ hạt màu nâu đỏ (nếu dược liệu còn vỏ lụa).

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel F₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - acetone (5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 30 ml dicloromethan (TT), lắc siêu âm 15 min, lọc, cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn. Hòa tan cần với 2 ml ethyl acetat (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Khiếm thực (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt 10 µl mỗi dung dịch trên lên bản mỏng. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Phun dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol (TT), sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và

cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Tỷ lệ nhân hạt biến màu: Không quá 1,0 %.

Tạp chất khác: Không quá 0,5 %.

Tỷ lệ vụn nát

Qua rây có kích thước mắt rây 4 mm: Không quá 30 % (Phụ lục 12.12).

Tro toàn phần

Không quá 1,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Khiếm thực sao vàng: Lấy khiếm thực đã bỏ vỏ lụa sao nhỏ lửa tới khi bên ngoài có màu vàng hoặc hơi vàng.

Khiếm thực sao cám: Lấy khiếm thực đã bỏ vỏ lụa, sao với cám cho tới khi bên ngoài có màu hơi vàng theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Cứ 10 kg được liệu dùng 1 kg cám gạo.

Mô tả: Hình dạng giống như dược liệu chưa sao, mặt ngoài có màu nâu thẫm, phía trong hạt có màu vàng hoặc hơi vàng, mùi thơm, nhấm có vị hơi ngậy, hơi chát.

Độ ẩm: Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Định tính, Tỷ lệ vụn nát, Tro toàn phần: yêu cầu và phương pháp thử như đối với dược liệu chưa sao cám.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi thoáng khô, tránh ẩm.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi chát, tính bình. Vào các kinh tỳ, thận.

Công năng, chủ trị

Ích thận cố tinh, kiện tỳ chỉ tả, khứ thấp chỉ đới. Chủ trị: Mộng tinh, di tinh, hoạt tinh, đái són, đái rắt. Tiêu chảy lâu ngày, bạch trọc, đới hạ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 16 g có thể dùng đến 30 g nếu bệnh nặng, dạng thuốc sắc hoặc hoàn, tán. Thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Kiêng kỵ

Đại tiện táo bón, tiểu tiện bí không nên dùng.

KHOẢN ĐỒNG HOA

Tussilaginifarfarae Flos

Hoa tam đoá

Cụm hoa chưa nở được làm khô của cây Khoản đồng (*Tussilago farfara* L.), họ Cúc (Asteraceae). Thu hoạch vào tháng 12 (khoảng tiết đông chí) khi hoa vẫn còn đang nằm dưới mặt đất, thu lấy nụ, loại bỏ cuống hoa, rửa sạch đất cát, phơi trong bóng râm đến khô.

Mô tả

Cụm hoa là một đầu hình chùy dài, thường là 2 đến 3 cụm

hoa cùng mọc trên 1 cành hoặc mọc đơn độc, dài 2 cm đến 2,5 cm, phần trên rộng hơn và phần dưới thon dần. Đỉnh cuống cụm hoa có nhiều lá bắc dạng vẩy. Mặt ngoài của lá bắc đỏ tía hoặc đỏ nhạt, mặt trong được phủ kín bởi những đám lông trắng như bông. Mùi thơm, vị hơi đắng và cay.

Bột

Màu vàng hơi nâu nhạt, thô, không mịn, kết vào nhau thành từng mảng do có nhiều lông quện vào. Soi kính hiển vi thấy: Nhiều mảnh biểu bì cánh hoa có tế bào hình đa giác to, trong tế bào lác đác có sắc tố màu vàng nâu nhạt. Nhiều mảnh biểu bì lá bắc có các tế bào hình đa giác và các lỗ khí; trong một số tế bào có sắc tố màu đỏ hơi nâu. Nhiều lông đơn bào xoắn, trắng bông. Hạt phấn hình cầu màu vàng, màng ngoài có gai. Bó mạch gỗ màu đỏ cam. Mảnh đầu nhụy.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu thêm 10 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi, lắc kỹ, lọc. Lấy 1 ml dịch lọc thêm 1 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), có màu xám đen và có tủa.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*

Dung môi khai triển: *Cyclohexan - ethyl acetat* (9,5 : 0,5).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ether dầu hỏa* (40 °C đến 60 °C) (TT), ngâm và thỉnh thoảng lắc trong 1 h. Lọc, bốc hơi tự nhiên đến cạn. Hòa cồn trong 1 ml *cloroform* (TT).

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 2 g bột Khoản đồng hoa (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí hay sấy nhẹ cho bay hết dung môi. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm, sau đó phun *dung dịch vanilin - acid sulfuric* (TT), sấy 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 14,0 % (Phụ lục 12.13).

Tạp chất

Nụ hoa chuyển thành màu đen: Không quá 0,5 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 20,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Khoản đồng hoa: Lấy dược liệu đã phơi khô, loại bỏ tạp chất, bỏ hết cuống nụ, dùng sống.

Khoản đồng hoa tẩm mật sao: Tẩm mật sao để tăng tính nhuận phế chỉ ho, ẩm tỳ, cứ 10 kg dược liệu lấy 2,5 kg mật